

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHOENIX REBORN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHOENIX REBORN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHOENIX REBORN TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110789027

3. Ngày thành lập: 19/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Biệt thự D04 –L01 An Phú ShopVilla, Khu đô thị mới Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933013338

Fax:

Email: amphoenixreborn@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649(Chính)
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ loại cấm)	4661

13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
16.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
17.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
18.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
19.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
20.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
21.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
22.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
24.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
25.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
26.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
27.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
28.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
29.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
30.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
31.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
32.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
33.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
34.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
35.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
36.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774

37.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)	4791
38.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
39.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng hóa hàng không)	5229
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
43.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
44.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
45.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
46.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
47.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
48.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
49.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
50.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
51.	Sản xuất đường	1072
52.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
53.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
54.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
55.	Sản xuất chè	1076
56.	Sản xuất cà phê	1077
57.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
58.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
59.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xút; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hồng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo.	1079

6. Vốn điều lệ: 3.678.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THỊ VÂN ANH	Việt Nam	Tầng 15.12 toà V3 Chung cư Terra An Hưng, Khu Đô Thị mới An Hưng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.802.220.000	49,000	035192010139	
2	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	Việt Nam	Căn hộ 1505-T2 – CT01 Trung Tâm tài chính thương mại và các công trình phụ trợ - Khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.875.780.000	51,000	080191000197	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN THI DIỄM MY

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/02/1991 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 080191000197

Ngày cấp: 02/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1505-T2 – CT01 Trung Tâm tài chính thương mại và các công trình phụ trợ - Khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 1505-T2 – CT01 Trung Tâm tài chính thương mại và các công trình phụ trợ - Khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội